

SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC ĐẾN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Dư Thị Huyền

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: huyendhkh@yahoo.com

TÓM TẮT

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên vượt lên tầm hạn chế của các trào lưu cứu nước đương thời, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Chính vì vậy, Người đã trở thành lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của cả dân tộc, người chiến sĩ xuất sắc, nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc của phong trào Cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Có biết bao sự kiện trong lịch sử về những cống hiến của Người. Song có lẽ, giai đoạn từ năm 1911 đến năm 1920 là thời kỳ sôi động tạo nên bước ngoặt đầu tiên của Người và của phong trào cách mạng Việt Nam. Đây là thời kỳ chuyển biến đặc biệt về nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị từ chủ nghĩa yêu nước sang lập trường cộng sản để mở ra cho cách mạng Việt Nam một hướng đi mới.

Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đầu tiên vượt lên tầm hạn chế của các trào lưu cứu nước đương thời, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Chính vì vậy, Người đã trở thành lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của cả dân tộc, người chiến sĩ xuất sắc, nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc của phong trào Cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Có biết bao sự kiện trong lịch sử về những cống hiến của Người. Song có lẽ, giai đoạn từ năm 1911 đến năm 1920 là thời kỳ sôi động tạo nên bước ngoặt đầu tiên của Người và của phong trào cách mạng Việt Nam. Đây là thời kỳ chuyển biến đặc biệt về nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị từ chủ nghĩa yêu nước sang lập trường cộng sản để mở ra cho cách mạng Việt Nam một hướng đi mới.

Nguyễn Ái Quốc sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân, một gia đình có truyền thống cách mạng. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – thân phụ của Người là một nhà nho cấp tiến, với lòng yêu nước, thương dân vô hạn. Tấm gương lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt qua gian khổ để đạt được mục tiêu, đặc biệt là tư tưởng thân dân, lấy dân làm hậu thuẫn cho mọi hoạt động cải cách chính trị - xã hội của cụ Phó bảng đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với quá trình hình thành nhân cách của Người (lúc đó với tên gọi Nguyễn Tất Thành).

Từ thuở thiếu thời, Nguyễn Tất Thành đã tận mắt chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, cùng cực của đồng bào mình. Thêm vào đó là những thất bại đau đớn của các bậc tiền bối trong hành trình cứu nước, giải phóng dân tộc... Cả dân tộc lâm vào sự bế tắc, khủng hoảng về con đường cứu nước, khát vọng của nhân dân ta là độc lập và tự do dân chủ đang bị chà đạp bởi sự thống trị tàn bạo của bọn đế quốc thực dân. Thực tiễn đó

giúp Người hiểu rõ bản chất bóc lột, tham tàn của chủ nghĩa thực dân và sớm có những suy tư đặc biệt: Là con người, ai cũng có khát vọng sống ấm no, hạnh phúc, sao dân tộc này lại đi chà đạp và hành hạ dân tộc khác? Tại sao các phong trào yêu nước đầy dũng khí của các bậc cha ông lại thất bại?...

Chính những day dứt đó cộng với sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và khát vọng của nhân dân là nền tảng vững chắc đầu tiên tạo đà cho Nguyễn Tất Thành vượt qua những nhà yêu nước đương thời trong quyết tâm và sự trăn trở tìm đường cứu nước, tìm kiếm những gì hữu ích cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Khi nhiều người đang ngoảnh nhìn về phương Đông với sự ngưỡng mộ “người anh cả da vàng” Nhật Bản - một đế quốc mới ở châu Á đã chiến thắng nước Nga Sa hoàng năm 1905, hay ngưỡng mộ bác Tôn Dật Tiên với chủ nghĩa *Tam dân* nổi tiếng và cách mạng Tân Hợi 1911 ở Trung Quốc thì Nguyễn Tất Thành tìm đường sang phương Tây, đến nước Pháp, đến nơi sản sinh ra những lời đẹp đẽ: “tự do - bình đẳng - bác ái” đã từng làm rung động lòng mình khi còn ở tuổi thiếu niên. Nguyễn Tất Thành muốn đến tận nơi sinh ra những lý tưởng cao đẹp đó để tìm hiểu rõ bản chất, để xem làm sao người Pháp có được tự do - bình đẳng - bác ái. Nguyễn Tất Thành đã chọn hướng Tây với mong muốn thiết thực: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào mình” [8, trang 40-41].

Tháng 6 năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Với lòng yêu nước nồng cháy, ý chí quyết tâm và khát vọng dân tộc là hành trang của Người. Đó là việc làm mới mẻ, khác với hướng đi truyền thống của các bậc sĩ phu yêu nước bấy giờ, Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài không phải để “cầu viện” mà Người muốn đi nhiều nước để tìm hiểu sự thật của thế giới, người thanh niên Nguyễn Tất Thành chỉ nung nấu một quyết tâm cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu” [7; trang 52].

Có rất ít, từ cổ chí kim, một lãnh tụ cách mạng, một nhà hoạt động chính trị lại có một địa bàn hoạt động, một địa bàn thâm nhập thực tế rộng lớn như Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Người đã đặt chân tới nhiều quốc gia ở châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ và đã tận mắt chứng kiến cuộc sống cực khổ, bị chà đạp của nhân dân lao động, còn bọn thực dân thì ở đâu cũng gian ác như nhau. “Đến Đaca, bẻ nổi sóng dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng biển cuốn đi... Đối với bọn thực dân tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu” [7; trang 24-25].

Cảnh tượng ấy làm cho Nguyễn Tất Thành xúc động, thương cảm. Người càng thương xót nhân dân Việt Nam và những người bị áp bức trên thế giới. Với những gì tận mắt chứng kiến – sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân và cuộc sống cơ cực, bị áp bức của

những người lao động. Người nhận thấy, ở đâu nhân dân cũng mong muốn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột; đều có khát vọng được giải phóng.

Theo hành trình của tàu, ngày 6 tháng 7 năm 1911, Nguyễn Tất Thành đặt chân lên bến cảng Marseilles của nước Pháp, sau khi đã ghé nhiều cảng trước đó. Những ngày đầu tiên trên đất Pháp, Người chứng kiến ở Pháp cũng có những người nghèo như Việt Nam.

Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành theo chuyến tàu sang Mỹ. Tại đây, Người có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng trong lịch sử. Nguyễn Tất Thành vừa làm thuê để kiếm sống, vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen.

Người đã nghiên cứu nước Mỹ với mong muốn để học tập được nhiều ở nước Mỹ về việc giành độc lập từ tay thực dân Anh. Nước Mỹ giàu sang và rộng rãi, nhưng cũng đầy áp bức công của tẻ phân biệt chủng tộc. Chiêm ngưỡng tượng nữ thần tự do, “Ánh sáng trên đầu thần tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thần tự do thì người da đen đang bị chà đạp”. Bên cạnh cuộc sống xa hoa của bọn tư bản là cuộc sống bần hàn, cơ cực của người lao động. Bên cạnh những tòa nhà chọc trời, xe hơi bóng lộn, các công ty tài chính, công nghiệp, vô số hộp đêm, tiệm nhảy,... còn có khu lao động Harlem của những người da đen thất nghiệp và đói rét là minh chứng nói lên cái “thực chất” của những mỹ từ *tự do, bình đẳng, bác ái*. Theo Người, *tự do, bình đẳng, bác ái* chỉ là những châm ngôn lý tưởng “trang điểm” cho cái huy chương vốn đã mục nát của chủ nghĩa tư bản thực dân mà thôi. “Bình đẳng gì mà cùng làm việc thì người da trắng lĩnh lương cao hơn người da màu? Bình đẳng gì mà bất cứ sĩ quan người bản xứ nào cũng phải chào sĩ quan da trắng”. Đây là cái sự thật trần trụi: “Người da màu luôn chỉ là kẻ tanh hôi, bẩn thỉu trong mắt người da trắng” [5; trang 48].

Từ việc nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, tầm nhìn của Nguyễn Tất Thành được mở rộng thêm so với lúc còn ở trong nước. Sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng là động lực trực tiếp để Nguyễn Tất Thành chuyển biến về lập trường chính trị. Từ yêu thương nhân dân mình, đồng bào mình, Người đã mở rộng tình thương đối với nhân loại cần lao; từ tình yêu dân tộc mình mở rộng đến yêu các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc trên toàn thế giới.

Cuối năm 1913, Người từ Mỹ sang Anh – một nước tư bản có nhiều thuộc địa nhất trên thế giới. Sự ra đời của “Đảng xã hội Anh” – một đảng cánh tả, tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hiện thực đó đã cuốn hút anh thanh niên Nguyễn Tất Thành gia nhập vào hàng ngũ giai cấp vô sản – ít nhất về mặt tư tưởng cũng “khai quang điểm nhãn” cho một nhân sinh quan mới, nhân sinh quan của giai cấp công nhân hiện đại.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Đây là một quyết định sáng suốt, một bước ngoặt lịch sử trong cuộc đời hoạt động thực tiễn và nghiên cứu lý luận

của Người. Khác với những năm trước đó, đi khắp thế giới quan sát và suy ngẫm, nay trở về Pháp, Người bắt tay ngay vào hoạt động chính trị, đấu tranh trực diện với chủ nghĩa thực dân Pháp trên đất Pháp. Năm 1919, Người tham gia *Đảng Xã hội Pháp*, đảng của giai cấp công nhân thuộc quốc tế II lúc bấy giờ. Nguyễn Tất Thành không chỉ học tập, nghiên cứu mà còn đấu tranh không mệt mỏi cho nền độc lập của dân tộc và phong trào cách mạng thế giới.

Cuộc hành trình gần mười năm đã đưa Nguyễn Tất Thành đến nhiều vùng đất thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ,... những chuyến đi đã giúp Người có cơ hội quan sát, nhận biết sâu sắc diện mạo của chủ nghĩa tư bản, trong đó hiện lên rất rõ nét những đặc trưng cơ bản của sự phân hóa, đối nghịch giữa người giàu và người nghèo; giữa những người bị áp bức, bóc lột và những kẻ thống trị nắm quyền lực; giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với các dân tộc đế quốc xâm lược. Đó cũng là quá trình Người học tập, tích lũy tri thức, nghiên cứu lý luận và đối chiếu lý luận với thực tế. Tuy nhiên, đến lúc này Nguyễn Tất Thành vẫn chưa tìm được con đường giải phóng dân tộc mình, dù nghiên cứu khá nhiều những tư tưởng của cách mạng Mỹ, cách mạng Anh và đặc biệt là hệ tư tưởng dân chủ tư sản của đại cách mạng Pháp. Người nhận thức một cách sâu sắc cả những ưu điểm và hạn chế của những mô hình cách mạng này, đó là những cuộc cách mạng “không đến nơi”, “không triệt để”, không đáp ứng nhu cầu giải phóng của các tầng lớp nhân dân lao động: “Cách mạng Pháp cũng như cách mạng Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa” [2; trang 274]. Từ đây, Người rút ra bài học kinh nghiệm đối với cách mạng Việt Nam: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mạng thì nên làm cho tới nơi...”. Như vậy, qua sự phân tích đánh giá của mình, Nguyễn Tất Thành đã chỉ ra lý luận và mô hình cách mạng tư sản không phải là sự lựa chọn đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

Trong thời gian hoạt động tích cực trong phong trào công nhân Pháp, Nguyễn Tất Thành đã nghe tiếng vang của cuộc cách mạng tháng Mười Nga (1917). Cách mạng tháng Mười Nga thành công đã ảnh hưởng tích cực đến xu hướng hoạt động của Người. Lúc này, con đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành đã có định hướng mới đó là vươn theo ánh sáng của cuộc cách mạng vô sản Nga và phong trào quốc tế cộng sản. Người đánh giá: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là đã thành công và thành công đến nơi” [4; trang 127]. Người cũng hiểu rằng sự nghiệp cách mạng Việt Nam cần thiết phải có sự giúp đỡ bên ngoài, trong đó có cách mạng Nga.

Tháng 1-1919, đại biểu các nước thắng trận, kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 -1918), tổ chức họp Hội nghị quốc tế hòa bình tại Versailles, Pháp. Một số đoàn đại biểu thay mặt các dân tộc bị áp bức và phụ thuộc như Ấn Độ, Ailen, Triều Tiên, A rập... đã đến Versailles; vì tại đây sẽ có tuyên bố của Tổng thống Mỹ Uynxon hứa trao trả độc lập. Không để lỡ cơ hội, ngày 18 tháng 6 năm 1919, Nguyễn Tất Thành với tên gọi Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi bản “*Yêu sách của nhân dân Việt Nam*” đến Hội nghị Versailles. Bản Yêu sách của

nhân dân An Nam đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam, cụ thể là: *1. Ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị; 2. Cải cách nền công lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam; 3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận; 4. Tự do lập hội và hội họp; 5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do du lịch ở nước ngoài; 6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ; 7. Thay thế chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật; 8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.*

Bản yêu sách gồm 8 điểm nêu lên nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam là đòi quyền độc lập, tự do và quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa. Tuy nhiên, Bản yêu sách đã không được Hội nghị xem xét; các nhà chính trị tư bản đến Hội nghị Vécxay chỉ bàn việc chia lại thị trường và tranh giành lợi ích, họ không hề quan tâm đến nguyện vọng của các dân tộc bị áp bức. Những tuyên bố của họ, nào là độc lập, tự trị, tự do, dân chủ cho các dân tộc bị áp bức chỉ là tuyên bố suông, lừa bịp mà thôi. Yêu sách của nhân dân An Nam cũng như của các dân tộc bị áp bức không được Chính phủ Pháp, cũng như các nước trong Hội nghị Versailles quan tâm, nhưng nó đã lên tiếng tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, làm cho nhân dân thế giới và nhân dân Pháp phải chú ý tới tình hình Việt Nam và Đông Dương. Từ đó, ông Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận quan trọng rằng: Muốn độc lập, tự do, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình, không hy vọng, mong chờ gì vào bọn thực dân đế quốc.

Khát vọng của Nguyễn Ái Quốc là đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng làm thế nào và đi theo hướng nào để đạt được mục đích đó vẫn là điều khiến Người luôn trăn trở và đang tìm kiếm bấy lâu nay. Với một linh cảm đặc biệt sau những năm tháng nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn đem lại, Yêu sách không thể là con đường đánh đổ được chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc. Con đường đó chỉ có thể là cách mạng vươn theo ánh sáng của Cách mạng tháng Mười Nga.

Tháng 7 năm 1920, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo Nhân đạo. Trong văn kiện này, V.I.Lênin đã nêu rõ: Phải phân biệt lợi ích của giai cấp bị áp bức bóc lột, phân biệt những dân tộc những dân tộc bị áp bức không được hưởng quyền bình đẳng với dân tộc đi áp bức, bóc lột được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi. Hơn nữa, Lênin đã chỉ ra con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, cho các nước chậm phát triển. Vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản; các phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa phải gắn chặt với cuộc đấu tranh và chiến thắng của chính quyền Xô Viết đối với chủ nghĩa đế quốc

thế giới, các Đảng Cộng Sản phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa.

Bằng sự nhạy cảm về chính trị, sau nhiều lần đọc và hiểu phần chính, “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ. Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo quốc tế III” [6; trang 313]. Chính Người đã nhiều lần nhấn mạnh: “Ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chỉ có chủ nghĩa Lênin là chân chính nhất” [1; trang 41].

Vấn đề dân tộc và thuộc địa trong Luận cương của Lênin với nội dung và phương pháp tiến hành quả là *điểm gặp gỡ của những tư tưởng lớn* - tư tưởng của người sáng lập quốc tế thứ III với tư tưởng của người tìm con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Theo Nguyễn Ái Quốc, “Lênin là người đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa. Lênin là người đánh giá hết tầm quan trọng của phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa” - thiếu nó, không thể có cách mạng xã hội được. Có thể ví rằng, Luận cương của Lênin tựa như cơn mưa đúng lúc để hạt giống cách mạng trong chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành được nảy mầm. Không có thời gian trải nghiệm cần thiết thì không thể tiếp nhận, thấm thấu ánh sáng từ Luận cương, không thể tạo ra bước ngoặt trong cuộc đời của Người. Khẩu hiệu “*Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!*” của thời đại C.Mác - Ph. Ăngghen được chuyển thành “*Vô sản tất cả các nước và tất cả các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*” trong thời đại Lênin đã phản ánh sự biến chuyển lớn lao của lịch sử, phản ánh đòi hỏi phải có cách đánh giá nhiệm vụ đấu tranh, phương pháp xây dựng lực lượng cách mạng khi mà hệ thống thuộc địa đã hình thành. Điều đó cũng nói lên vì sao Nguyễn Ái Quốc khi đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã khóc - những giọt nước mắt sung sướng của người con dân tộc đã tìm thấy con đường cứu nước; giọt nước mắt của người đã tìm thấy hạnh phúc, cơm ăn áo mặc cho mọi người Việt Nam đang bị rên xiết dưới sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân.

Sự kiện này là mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển biến nhảy vọt của Người về nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị. Là nhân tố hết sức quan trọng mở đường cho Người tiến dần tới chủ nghĩa Mác – Lênin. Khát vọng cháy bỏng của dân tộc ta đã bắt gặp xu thế của thời đại đó là: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [3; trang 314]. Nguyễn Ái Quốc đã gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, không có thực tiễn đấu tranh và hoạt động ở Pháp thì Nguyễn Ái Quốc không thể trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và cũng không có những đóng góp quan trọng cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế sau này.

Việc xác định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc là công lao to lớn đầu tiên của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đó là con đường giải phóng duy nhất

mà cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra cho nhân dân lao động và tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản.

Quá trình vận động của cách mạng Việt Nam trong suốt những năm tháng qua đã là minh chứng hùng hồn cho con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn. Nó đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác; đưa dân tộc ta không ngừng phát triển và ghi tạc dấu ấn vào thời đại. Dù lịch sử có phát triển quanh co, từ thực tiễn của mình, dân tộc Việt Nam vẫn khẳng định với nhân loại chân lý bất hủ của Người: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới thoát khỏi ách nô lệ” [4; trang 128].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hồ Chí Minh (1977). *Về liên minh công nông*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Hồ Chí Minh (2002). *Toàn tập*, tập 2. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Hồ Chí Minh (2002). *Toàn tập*, tập 9. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2002). *Toàn tập*, tập 10. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Hồ Chí Minh (2002). *Tuyển tập*, tập 1. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2002). *Tuyển tập*, tập 3. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Trần Dân Tiên (2005). *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Hồ Chí Minh (2006). *Biên niên tiểu sử*, tập 1. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

NGUYEN AI QUOC'S TRANSITION FROM PATRIOTISM TO MARXISM - LENINISM

Du Thi Huyen

Department of Philosophy, Hue University of Sciences

Email: huyendhkh@yahoo.com

ABSTRACT

Ho Chi Minh President is the first person who overcomes the limitations of the current movements of saving our country and brings the final victory of Vietnamese revolution. Therefore, he has become the great and beloved leader of our nation, the excellent soldier, the prominent revolutionary activists of the international Communist movements and the national liberation movements. There are countless historic events related to his

dedication. However, the period of 1911 – 1920 remains vibrant which has made the first turning point in his life and the Vietnam's revolutionary movement. This is the particular transition stage in the cognitive thinking and the political stance of patriotism and communism to open up a new direction for Vietnamese revolution.

Keywords: *Nguyen Ai Quoc*